TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/KDTM-ST
Ngày: 17-8-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Xuân Cúc**;

2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Bùi Thị Tây Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2026/TLST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 (tên viết tắt: V); địa chỉ trụ sở: Số A T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Bình M: Bà Phan Thị Diễm L, chức vụ: Giám đốc – Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh K (Văn bản uỷ quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024), vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Diễm L: Ông Nguyễn An C, chức vụ: Phó Giám đốc; ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Khách hàng doanh nghiệp; bà Nguyễn Phạm Thanh N, chức vụ: Phó phòng Phòng TCTH; ông Trần Thành N1, chức vụ: Cán bộ QHKH - Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh K (Văn bản uỷ quyền số 174/UQ-CNKCNTB-TCTH ngày 03/4/2026); vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (tên viết tắt: Công ty TNHH H); địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T1, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 072089010ABC; nơi cư trú: Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Vào ngày 03/12/2024 Công ty TNHH H có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-HĐCVHM/NHCT664 – Công ty TNHH H với Ngân hàng Thương mại cổ phần C1: Hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh kinh doanh salon mô tô và thu đổi xe cũ; thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 03/12/2024 đến hết ngày 03/12/2025. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng TMCP C1 trong từng thời kỳ, hiện nay là 9%/năm bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 5 tháng trả lãi sau VNĐ (hiện nay là 1.9%/năm) + biên độ (7,1%/năm) + chi phí huy động vốn tăng thêm. Ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 25. Để thực hiện Hợp đồng tín dụng, V CN KCN T đã giải ngân cho Công ty TNHH H Thông số tiền 3.000.000.000 đồng, theo các Giấy nhận nợ số 04 ngày 16/04/2025, 05 ngày 22/04/2025, 06 ngày 12/05/2025.

Nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bởi Văn bản bảo lãnh ngày 03/12/2024 của ông Nguyễn Duy T1; đồng thời ông Nguyễn Duy T1 đã thế chấp các tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH H đối với V là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664, ngày 03/12/2024 số công chứng 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm quyển số 01 số thứ tự 3914 ngày 03/12/2024, tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,2m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 920, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582849; số vào sổ cấp GCN: VP14987 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,3m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 921, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582850; số vào sổ cấp GCN: VP14988 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi

sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 924, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582835; số vào sổ cấp GCN: VP14972 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,9m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 925, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582836; số vào sổ cấp GCN: VP14973 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 267,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 926, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582837; số vào sổ cấp GCN: VP14974 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,5m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 956, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723701; số vào sổ cấp GCN: VP15401 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,6m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 957, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723702; số vào sổ cấp GCN: VP15402 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 958, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723495; số vào sổ cấp GCN: VP15395 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 959, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723497; số vào sổ cấp GCN: VP15397 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,0m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 960, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723496; số vào sổ cấp GCN: VP15396 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty TNHH H đã thanh toán cho V số tiền lãi tính đến tháng 9 năm 2025 là 89.013.699 đồng, chưa thanh toán tiền gốc. Đến kỳ thanh toán ngày 06/10/2025 Công ty TNHH H vi phạm nghĩa vụ trả lãi, mặc dù V đã đôn đốc, đề nghị thanh toán nhưng Công ty TNHH H và bên nhận bảo lãnh ông Nguyễn Duy T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên V đã chuyển khoản nợ này thành nợ quá hạn vào ngày 13/10/2025, do đó nay V yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH H trả số tiền tạm tính đến ngày 30/03/2026 là 3.233.897.360 đồng trong đó: Nợ gốc quá hạn: 3.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 164.082.191 đồng; nợ lãi quá hạn: 69.815.169 đồng

Các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh sau ngày tạm tính cho đến khi V thu hồi hết nợ của Công ty TNHH H, theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cấp tín dụng.

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho V buộc Bên bảo lãnh là Nguyễn Duy T1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho V.

Ngay khi Công ty TNHH H và các bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V số tiền theo yêu cầu nêu trên, V có quyền tự mình hoặc yêu cầu tổ chức, cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án theo yêu cầu, áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án, cưỡng chế thi hành án, xử lý, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm (nêu trên) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Duy T1 đối với V nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ, thì Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho V

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH H là ông Nguyễn Duy T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 nhiều lần tuy nhiên ông T1 vẫn vắng mặt nhưng không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản tự khai, bảng tính tiền lãi kèm theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nội dung: Tạm tính đến ngày 17/8/2026 V yêu cầu Công ty TNHH H trả số tiền 3.397.869.969 đồng, trong đó: 3.000.000.000 đồng nợ gốc quá hạn; nợ lãi trong hạn: 273.397.260 đồng và nợ lãi quá hạn: 124.472.709 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/8/2026 cho đến khi tất toán hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng cấp tín dụng. Trường hợp không thực hiện trả nợ V tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664, ngày 03/12/2024 số công chứng 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch bảo đảm quyển số 01 số thứ tự 3914 ngày 03/12/2024. Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Duy T1 đối với V nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho V.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH H là ông Nguyễn Duy T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng*;

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh*:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 335, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 Luật Các Tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ hoàn trả cho V (tạm tính đến ngày 17/8/2026) số tiền 3.397.869.969 đồng, trong đó: 3.000.000.000 đồng nợ gốc quá hạn; nợ lãi trong hạn: 273.397.260 đồng và nợ lãi quá hạn: 124.472.709 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/8/2026 cho đến khi tất toán hết nợ. Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để

thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đối với V nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì ông Nguyễn Duy T1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn An C, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Phạm Thanh N, ông Trần Thành N1 vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH H là ông Nguyễn Duy T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của V yêu cầu Công ty TNHH H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền (tạm tính đến ngày 17/8/2026) 3.397.869.969 đồng, trong đó: 3.000.000.000 đồng nợ gốc quá hạn; nợ lãi trong hạn: 273.397.260 đồng và nợ lãi quá hạn: 124.472.709 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-HĐCVHM/NHCT664 – Công ty TNHH H, ngày 03/12/2024 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 và Giấy nhận nợ số: 04, ngày 16/4/2025, số 05, ngày 22/4/2025, số 06, ngày 12/5/2025:

Xét thấy việc ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-HĐCVHM/NHCT664 – Công ty TNHH H với Ngân hàng Thương mại cổ phần C1, ngày 03/12/2024 và Giấy nhận nợ số: 04, ngày 16/4/2025, số 05, ngày 22/4/2025, số 06, ngày 12/5/2025 giữa V với Công ty TNHH H về hình thức đã được lập thành văn bản, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung không trái đạo đức xã hội, điều cấm của luật, các bên đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Công ty TNHH H đã thanh toán tiền lãi đến tháng 9 năm 2025 số tiền 89.013.699 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền lãi ngày 06/10/2025 Công ty TNHH H ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V, nên V đã Thông báo thu hồi nợ, yêu cầu Công ty TNHH H và người bảo lãnh ông Nguyễn Duy T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên V đã chuyển khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-

HĐCVHM/NHCT664 – Công ty TNHH H, ngày 03/12/2024 với Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 và Giấy nhận nợ số: 04, ngày 16/4/2025, số 05, ngày 22/4/2025, số 06, ngày 12/5/2025 thành nợ quá hạn, điều này thể hiện Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V.

Mặt khác trong nội dung "Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-HĐCVHM/NHCT664 và Giấy nhận nợ các số: 04, ngày 16/4/2025, 05, ngày 22/4/2025, 06, ngày 12/5/2025" có ghi nơi cư trú cụ thể của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 tại ấp L, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay: Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh). Tuy nhiên qua xác minh thể hiện, hiện nay ông T1 không còn ở địa phương, việc ông T1 đã bỏ đi không rõ nơi cư trú mới, nhưng khi thay đổi nơi cư trú ông T1 không thông báo cho V biết về nơi cư trú mới, căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự, thì được xem ông T1 cố tình dấu địa chỉ. Do đó người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp các tài liệu chứng cứ theo Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của V.

Do đó căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng nay V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền (tạm tính đến ngày 17/8/2026) 3.397.869.969 đồng, trong đó: 3.000.000.000 đồng nợ gốc quá hạn; nợ lãi trong hạn: 273.397.260 đồng và nợ lãi quá hạn: 124.472.709 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664 ngày 03/12/2024 số công chứng 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD giữa V với ông Nguyễn Duy T1 và Văn bản bảo lãnh ngày 03/12/2024:

[3.1] Để bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số 24020536/2024-HĐCVHM/NHCT664 – Công ty TNHH H, ngày 03/12/2024 ông T1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664 ngày 03/12/2024 được công chứng số 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD đối với: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với tọa lạc tại ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh gồm:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,2m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 920, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582849; số vào sổ cấp GCN: VP14987 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,3m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 921, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582850; số vào sổ cấp GCN: VP14988 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 924, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582835; số vào sổ cấp GCN: VP14972 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,9m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 925, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582836; số vào sổ cấp GCN: VP14973 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 267,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 926, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582837; số vào sổ cấp GCN: VP14974 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,5m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 956, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723701; số vào sổ cấp GCN: VP15401 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,6m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 957, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723702; số vào sổ cấp GCN: VP15402 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 958, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723495; số vào sổ cấp GCN: VP15395 do

Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 959, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723497; số vào sổ cấp GCN: VP15397 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,0m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 960, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723496; số vào sổ cấp GCN: VP15396 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

Xét việc ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH H giữa ông Nguyễn Duy T1 đối với V đã được lập thành văn bản được công chứng và được đăng ký thế chấp đúng theo quy định tại Điều 319 của Bộ luật Dân sự và các Điều 8, 10, 22 của Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 Quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Chính phủ. Nên Hợp đồng thế chấp tài sản số: 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664 ngày 03/12/2024 được công chứng số 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD giữa V với ông Nguyễn Duy T1 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH H đối với V, là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về nghĩa vụ bảo lãnh theo Văn bản bảo lãnh ngày 03/12/2024: Tại mục 1.01 Văn bản bảo lãnh ngày 03/12/2024 thể hiện ông Nguyễn Duy T1 cam kết *"Bên bảo lãnh đồng ý bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm.....) phát sinh từ tất cả các Hợp đồng cấp tín dụng...Mà bên được bảo lãnh ký với bên nhận bảo lãnh trước, cùng và hoặc sau thời điểm bên bảo lãnh ký văn bản này..."*. Điều này thể hiện ngoài việc dùng tài sản của cá nhân bảo lãnh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664 ngày 03/12/2024 được công chứng số 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD, ông Nguyễn Duy T1 còn cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH H khi Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V. Xét việc ký kết bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không trái với đạo đức xã hội, điều cấm của luật, do Công ty TNHH H vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thực hiện trả nợ, nên cần buộc ông Nguyễn Duy T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH H là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Do đó trường hợp Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với V, thì V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản là các quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Duy

T1 đứng tên nêu trên để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 tiếp tục có nghĩa vụ trả cho V cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của V đối với Công ty TNHH H và ông Nguyễn Duy T1 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận nên Công ty TNHH H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho V.

[6] Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 99.957.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 292, 299, 317, 335, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng; các Điều 147, 157, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 10, 22 của Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 (tạm tính đến ngày 17/8/2026) số tiền 3.397.869.969 (ba tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi chín) đồng trong đó: Nợ gốc quá hạn: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; nợ lãi trong hạn: 273.397.260 (hai trăm bảy mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng; nợ lãi quá hạn: 124.472.709 (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm linh chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 18/8/2026) Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì buộc ông Nguyễn Duy T1 có trách

nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo nội dung Văn bản bảo lãnh ngày 03/12/2024.

- Trường hợp Công ty H hữu hạn Hùng T2 không thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 24020536/2024/HĐBĐ/NHCT664 ngày 03/12/2024 số công chứng 009276 quyển số 12/2024TP/CC-SCC/HĐGD đối với các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,2m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 920, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582849; số vào sổ cấp GCN: VP14987 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,3m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 921, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582850; số vào sổ cấp GCN: VP14988 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 924, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582835; số vào sổ cấp GCN: VP14972 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,9m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 925, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582836; số vào sổ cấp GCN: VP14973 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 267,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 926, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 582837; số vào sổ cấp GCN: VP14974 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 05/01/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,5m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 956, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723701; số vào sổ cấp GCN: VP15401 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,6m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 957, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723702; số vào sổ cấp GCN: VP15402 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,7m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 958, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723495; số vào sổ cấp GCN: VP15395 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 230,8m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 959, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723497; số vào sổ cấp GCN: VP15397 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 231,0m^2 (mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn) thửa đất số: 960, tờ bản đồ số: 33, đất tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) đất đã được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DO 723496; số vào sổ cấp GCN: VP15396 do Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh T cấp ngày 09/5/2024, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 26/11/2024 cấp cho ông Nguyễn Duy T1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết nợ, thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và ông Nguyễn Duy T1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng

Thương mại Cổ phần C1 số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

3. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 99.957.000 (chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 48.339.000 (bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007600, ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11- Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 - Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Lợi